

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1398/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Hai
2. Bà Đặng Thị Thu Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1085/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1179/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2248/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trương Đình K, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Đường A, phường M, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn T, phường M, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Nguyễn Thành T – Công ty Luật TNHH Hãng luật Giải phóng, chi nhánh Bình Dương– thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường H, Phường K, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2019, các bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trương Đình K trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thúy Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hòa hợp tính tình, không ai hiểu ai, thường xuyên tranh cãi. Gia đình hai bên cũng hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Ông và bà Q đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017. Đến nay, tình cảm hai bên không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Nên ông yêu cầu ly hôn với bà Q.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trương Gia L, sinh ngày 18/11/2013 và Trương Gia N, sinh ngày 02/12/2015. Ông K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Gia L, giao bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Gia N. Hai bên không cấp dưỡng qua lại.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K trình bày ông và bà Q không có tài sản chung, nợ chung.

*\* Tại các Bản tự khai đề ngày 15/5/2020 và 08/01/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày:*

Bà xác nhận việc kết hôn, con chung và quá trình chung sống, đúng như trình bày của ông K. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Sau khi bà Q sinh bé Trương Gia L, ông K đi làm xa, bà Q phải ở nhà chăm sóc con một mình, 01 tháng ông K mới về thăm con được 01 lần. Từ tháng 12 năm 2015, sau khi bà Q sinh bé thứ hai Trương Gia N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11 năm 2017. Nguyên nhân là vấn đề tiền bạc, ông K không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với vợ con. Ông K có tính bài bạc, thường xuyên đánh đập bà Q nhiều lần, gây ảnh hưởng tâm lý đến các con. Nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý vì mâu thuẫn giữa bà và ông K không thể hòa giải được.

Về con chung: Bà Q yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi người con 4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các người con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Q trình bày bà và ông K không có tài sản chung, nợ chung.

*\* Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn trình: Giữ nguyên câu xin được ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy Q; về con chung: được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Gia L, giao bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Gia N và không cấp dưỡng qua lại. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn trình bày: Đồng ý ly hôn với ông K; Về con chung, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi người con 4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các người con lần lượt đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng, Tòa án có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn như sau: Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Thúy Q được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và chấp thuận một phần yêu cầu của bị đơn như sau: Giao 02 trẻ tên Trương Gia L, sinh ngày 18/11/2013 và Trương Gia N, sinh ngày 02/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Thúy Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Trương Đình K có nghĩa vụ góp phí tôn nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không phải giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn ông Trương Đình K phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy Q, có địa chỉ cư trú: Đường Nguyễn Văn T, phường M, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ đã đủ cơ sở nhận định:

Ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Thúy Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 04/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Ninh Bình, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, đã có 02 người con chung tên Trương Gia L, sinh ngày 18/11/2013 và Trương Gia N, sinh ngày 02/12/2015.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không phù hợp tính tình, thường xuyên tranh cãi, ông K phải đi làm xa nên ít có điều kiện gần gũi, chăm sóc vợ con, gia đình hai bên cũng đứng ra hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông K và bà Q đã ly thân, tách rời cuộc sống chung từ năm 2017. Đến nay, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, việc ông K yêu cầu ly hôn với bà Q và bà Q đồng ý ly hôn với ông K là có căn cứ để Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông K và bà Q.

Về con chung: Xét 02 trẻ Trương Gia L (sinh ngày 18/11/2013) và Trương Gia N (sinh ngày 02/12/2015) đều trẻ gái, còn nhỏ, đã liên tục sống chung với mẹ từ khi mới sinh đến nay, được chăm sóc tốt và cuộc sống đã ổn định, bản thân trẻ Trương Gia L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Về phía ông Trương Đình K, hiện đang sống một mình trong nhà tập thể của Công ty ở Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và thỉnh thoảng phải đi công tác nên sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc con nhỏ. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩ nên chấp thuận một phần yêu cầu của nguyên đơn, cũng như phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là: Giao 02 trẻ tên Trương Gia L (sinh ngày 18/11/2013) và Trương Gia N (sinh ngày 02/12/2015) cho bà Nguyễn Thị Thúy Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Trương Đình K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có và không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Đình K và bà Nguyễn Thị Thúy Q.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 04/02/2013 cho ông Trương Đình K và Nguyễn Thị Thúy Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 trẻ tên Trương Gia L (sinh ngày 18/11/2013) và Trương Gia N (sinh ngày 02/12/2015) cho bà Nguyễn Thị Thúy Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Trương Đình K có có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Đình K phải nộp án phí ly hôn 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Trương Đình K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026751 ngày 06/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Ông Trương Đình K còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Trường hợp, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tùng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tùng**

